

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 311 /BC-UBND

Bù Đăng, ngày 08 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

**PHẦN THỨ NHẤT
ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

Tại Kỳ họp HĐND huyện lần thứ Tư, Khóa VII ngày 19/7/2022 đã thông qua Nghị quyết về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 của huyện. Trong quá trình điều hành, ước thực hiện dự toán điều chỉnh ngân sách Nhà nước năm 2022 đạt kết quả như sau:

A. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn ước thực hiện cả năm 2022 là 410.000 triệu đồng, đạt 145% so với dự toán điều chỉnh tình giao, đạt 122% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 116% so với thực hiện năm 2021.

I. Các khoản thu trong cân đối ngân sách nhà nước

Ước thực hiện là 410.000 triệu đồng, đạt 145% so với dự toán điều chỉnh tình giao, đạt 122% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 116% so với thực hiện năm 2021. Trong đó, phần thu ngân sách huyện, xã hưởng ước thực hiện là 304.603 triệu đồng, đạt 133% so với dự toán điều chỉnh tình giao, đạt 109% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 111% so với thực hiện năm 2021, bao gồm các khoản thu như sau:

1. Thu thuế DNNN địa phương: Ước thực hiện 1.045 triệu đồng, đạt 209% so với dự toán điều chỉnh tình giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 140% so với thực hiện năm 2021.

2. Thu thuế CTN-NQD: Ước thực hiện 58.000 triệu đồng, đạt 116% so với dự toán điều chỉnh tình giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 123% so với thực hiện năm 2021.

3. Thu lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 70.000 triệu đồng, đạt 148% so với dự toán điều chỉnh tình giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 159% so với thực hiện năm 2021

4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 90 triệu đồng, bằng 130% so với thực hiện năm 2021.

5. Thu tiền cho thuê đất: Ước thực hiện 13.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 61% so với thực hiện năm 2021.

6. Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 165.000 triệu đồng, đạt 165% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 107% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 95% so với thực hiện năm 2021.

7. Thu phí và lệ phí: Ước thực hiện 5.400 triệu đồng, đạt 102% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 74% so với thực hiện năm 2021.

8. Thu thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 87.000 triệu đồng, đạt 150% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 198% so với thực hiện năm 2021.

9. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện 434 triệu đồng, bằng 98% so với thực hiện năm 2021.

10. Thu khác: Ước thực hiện 10.031 triệu đồng, đạt 111% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 69% so với thực hiện năm 2021.

II. Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN

Số liệu trong năm 2022 không phát sinh.

B. VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng chi NSNN ước thực hiện cả năm 2022 là 1.549.653 triệu đồng, đạt 161% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 104% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 116% so với thực hiện năm 2021.

I. Các khoản chi trong cân đối ngân sách nhà nước:

Ước thực hiện cả năm là 1.549.653 triệu đồng, đạt 161% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 104% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 117% so với thực hiện năm 2021, bao gồm các khoản chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện là 443.328 triệu đồng, đạt 377% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 110% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 272% so với thực hiện năm 2021, tăng chi là do tỉnh bổ sung có mục tiêu: Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 23.212 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022: 18.207 triệu đồng, trong đó:

- Chi vốn cân đối theo phân cấp : 31.563 triệu đồng;
- Chi từ nguồn thu tiền SDD : 155.737 triệu đồng;
- Chi đầu tư khác : 29.400 triệu đồng;
- Chi xây dựng cầu dân sinh trên đường

Thọ Sơn đi Đăk Nhau	:	51 triệu đồng;
- Chi dự án Đa Bông Cua năm 2021 chuyển sang	:	631 triệu đồng;
- Chi hỗ trợ xây dựng 100 phòng học	:	114.592 triệu đồng;
- Chi Chương trình MTQG nông thôn mới	:	93.147 triệu đồng;
- Chi Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	:	18.207 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 875.894 triệu đồng, đạt 113% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100,3% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 112% so với thực hiện năm 2021, bao gồm các khoản chi sau:

2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: Ước thực hiện 132.572 triệu đồng, đạt 84% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 99% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 79% so với thực hiện năm 2021, tăng chi là do tỉnh bổ sung có mục tiêu: Kinh phí khắc phục hậu quả sạt lở đất tại tuyến đường liên thôn xã Thống Nhất: 1.310 triệu đồng; trong đó:

- *Chi sự nghiệp nông- lâm-thủy lợi:* Ước thực hiện 13.371 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 113% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi sự nghiệp giao thông:* Ước thực hiện 13.641 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 69% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính:* Ước thực hiện 20.347 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 159% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi quy hoạch:* Ước thực hiện 3.997 triệu đồng, đạt 60% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 949% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi công tác đo đạc, cắm mốc, kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu giá đất công:* Ước thực hiện 38.644 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 70% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi Trung tâm Phát triển quỹ đất:* Ước thực hiện 602 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 78% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi sự nghiệp môi trường:* Ước thực hiện 3.278 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 73% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi sự nghiệp kinh tế khác:* Ước thực hiện 35.707 triệu đồng, đạt 104% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 58% so với thực hiện năm 2021;

- *Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:* Ước thực hiện 135 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

- Chi nguồn TK 10% CCTL sự nghiệp kinh tế: Ước thực hiện 2.304 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

- Chi chuyển nguồn tự chủ (13): Ước thực hiện 75 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

- Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương (14): Ước thực hiện 471 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

2.2. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 7.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

2.3. Chi sự nghiệp y tế: Ước thực hiện 80.527 triệu đồng, đạt 124% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 115% so với thực hiện năm 2021.

2.4. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: Ước thực hiện 406.423 triệu đồng, đạt 108% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 131% so với thực hiện năm 2021, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục: Ước thực hiện 378.402 triệu đồng, đạt 100% và bằng 124% so với thực hiện năm 2021;

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Ước thực hiện 5.532 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 133% so với thực hiện năm 2021;

- Chi nguồn TK 10% CCTL sự nghiệp GD, ĐT và dạy nghề: Ước thực hiện 11.237 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua;

- Chi chuyển nguồn tự chủ (13): Ước thực hiện 6.142 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua;

- Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương (14): Ước thực hiện 5.110 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

2.5. Chi sự nghiệp VH TT và TDTT: Ước thực hiện 5.548 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 106% so với thực hiện năm 2021.

2.6. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Ước thực hiện 2.271 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 165% so với thực hiện năm 2021.

2.7. Chi đảm bảo xã hội: Ước thực hiện 63.364 triệu đồng, đạt 220% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 107% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 145% so với thực hiện năm 2021, tăng chi là do tỉnh bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS đợt 2 năm 2022: 4.394 triệu đồng.

2.8. Chi quản lý hành chính: Ước thực hiện 137.630 triệu đồng, đạt 124% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 119% so với thực hiện năm 2021, trong đó:

- Chi quản lý nhà nước: Ước thực hiện 97.762 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 134% so với thực hiện năm 2021;

- Chi hoạt động của cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị, xã hội: Ước thực hiện 32.605 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 83% so với thực hiện năm 2021;

- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội: Ước thực hiện 3.950 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 97% so với thực hiện năm 2021;

- Chi chuyển nguồn không tự chủ (12): Ước thực hiện 2.100 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua;

- Chi chuyển nguồn tự chủ (13): Ước thực hiện 95 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua;

- Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương (14): Ước thực hiện 1.118 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

2.9. Chi an ninh, quốc phòng địa phương: Ước thực hiện 25.489 triệu đồng, đạt 170% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 106% so với thực hiện năm 2021, trong đó:

- Chi giữ gìn an ninh và trật tự ATXH: Ước thực hiện 7.013 triệu đồng, đạt 249% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 89% so với thực hiện năm 2021;

- Chi quốc phòng địa phương: Ước thực hiện 18.476 triệu đồng, đạt 151% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 115% so với thực hiện năm 2021.

2.10. Chi đền bù dự án ASXH thuộc Ban QLRPH Bù Đắc: Ước thực hiện 84 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

2.11. Chi khác ngân sách: Ước thực hiện 5.006 triệu đồng, đạt 156% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 70% so với thực hiện năm 2021.

2.12. Chi công tác phòng, chống dịch Covid-19: Ước thực hiện 9.980 triệu đồng.

3. Chi các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán: Ước thực hiện 14.043 triệu đồng, đạt 87% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

4. Chi thực hiện cải cách tiền lương: Ước thực hiện 173.043 triệu đồng, đạt 442% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

5. Chi Chương trình MTQG: Ước thực hiện 21.722 triệu đồng, đạt 12.703% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 33% so với thực hiện năm 2021.

6. Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU (từ nguồn giảm 2,5% biên chế và 35% hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP): Ước thực hiện 10.797 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

7. Nguồn dự phòng: Ước thực hiện: 10.826 triệu đồng, đạt 57% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 100% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

II. Các khoản chi bằng nguồn thu được để lại quản lý qua ngân sách Số liệu trong năm 2022 không phát sinh.

Cân đối ngân sách nhà nước huyện, xã năm 2022

1. Tổng thu ngân sách

:1.578.080 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu NS huyện, xã hưởng : 304.603 triệu đồng;
- Thu trợ cấp cân đối từ NS tỉnh : 606.206 triệu đồng;
- Thu bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh : 346.170 triệu đồng;
- Thu chuyển nguồn : 321.101 triệu đồng;

2. Tổng chi ngân sách địa phương

:1.549.653 triệu đồng.

3. Kết dư ngân sách huyện

(trong đó: tăng thu 2022: 25.763 triệu đồng,
còn lại KP quy hoạch: 2.664 triệu đồng)

: 28.427 triệu đồng.

*** Đánh giá kết quả thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022:**

Năm 2022, dịch Covid-19 đã dần được kiểm soát, tình hình kinh tế - xã hội từng bước được ổn định. Tuy nhiên, do dịch Covid-19 vẫn còn tiếp diễn và ẩn chứa nhiều rủi ro nên công tác điều hành ngân sách gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, được sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của các Sở, ngành của tỉnh và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, cùng với sự nỗ lực của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn nên công tác thu, chi ngân sách năm 2022 đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau:

a. Về thu ngân sách Nhà nước

Tổng thu NSNN ước thực hiện năm 2022 đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao đạt 145%, so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua đạt 122% và bằng 116% so với thực hiện năm 2021. Như

vậy, tăng thu so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao là 127.000 triệu đồng và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua là 73.300 triệu đồng. Phần thu ngân sách huyện, xã hưởng ước thực hiện cả năm là 306.603 triệu đồng, đạt 133% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 109% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 111% so với thực hiện năm 2021.

Cụ thể một số nguồn thu ước đạt và vượt so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua như: Thuế DNNN địa phương đạt 209%; thuế CTN-NQD đạt 116%; lệ phí trước bạ đạt 148%, thuế thu nhập cá nhân đạt 150%; thu phí, lệ phí đạt 102%; thu tiền sử dụng đất đạt 107%; thu tiền cho thuê đất đạt 100%; thu khác ngân sách đạt 111%, thu đạt là do ngành thuế đã chủ động, tích cực bám sát các nguồn thu phát sinh, nguồn thu XDCB vãng lai ngoài tỉnh...; đơn đốc các đơn vị nộp kịp thời vào NSNN số thuế phát sinh sau quyết toán năm 2021 phải nộp, công tác kiểm tra quyết toán thuế, tăng cường công tác chống thất thu thuế,...

Tuy nhiên, tình hình nợ đọng thuế trên địa bàn huyện còn cao tính đến ngày 31/10/2022 là 23.719 triệu đồng (*tiền phạt chậm nộp 4.643 triệu đồng*). Trong đó: Nợ đọng không có khả năng thu là 2.633 triệu đồng và nợ đọng có khả năng thu là 21.086 triệu đồng.

b. Về chi ngân sách nhà nước

Tổng chi NSNN ước thực hiện cả năm 2022 là 1.549.653 triệu đồng, đạt 161% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 104% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 116% so với thực hiện năm 2021, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển ước đạt 110% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, tăng chi là do tỉnh bổ sung có mục tiêu: Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 23.212 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022: 18.207 triệu đồng.

- Chi thường xuyên ước đạt 100,3% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, tăng chi là do tỉnh bổ sung có mục tiêu: Kinh phí khắc phục hậu quả sạt lở đất tại tuyến đường liên thôn xã Thống Nhất: 1.310 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS đợt 2 năm 2022: 4.394 triệu đồng.

- Chi Chương trình MTQG đạt 12.703% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, tăng chi là do tỉnh bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 2.820 triệu đồng, kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 (vốn sự nghiệp): 2.932 triệu đồng, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp): 15.799 triệu đồng..

Nhìn chung, việc điều hành NSNN năm 2022 đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch. Thực hiện đúng theo Công văn số

1573/UBND-TH ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, năm thứ hai thực hiện thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn (2022-2025). Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của của tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, dịch COVID-19 vẫn còn tiếp diễn và chứa ẩn nhiều rủi ro; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu.

Do đó, dự toán ngân sách địa phương năm 2023 được xây dựng trên cơ sở số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp và số bổ sung trợ cấp ổn định từ ngân sách cấp trên để cân đối theo hướng đảm bảo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo mức tăng trưởng hợp lý; việc bố trí dự toán chi NSNN năm 2023 dựa trên nguyên tắc tăng tỷ trọng chi ĐTPT trong tổng chi NSNN, ưu tiên bố trí các nhiệm vụ quan trọng, các chính sách an sinh xã hội đã ban hành; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên gắn với yêu cầu thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ vào tình hình ước thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2022, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và dự toán thu, chi NSNN năm 2023 của HĐND tỉnh, UBND huyện xây dựng dự toán NSNN năm 2023 như sau:

A. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023: Dự kiến: 350.000 triệu đồng, bằng 85% so với ước thực hiện năm 2022, trong đó:

I. Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước

Dự kiến 350.000 triệu đồng, bằng 85% so với ước thực hiện năm 2022, chi tiết như sau:

1. Thu thuế DNNN địa phương: 1.200 triệu đồng, bằng 115% so với ước thực hiện năm 2022.
2. Thu thuế CTN-NQD: 55.000 triệu đồng, bằng 95% so với ước thực hiện năm 2022.
3. Thu lệ phí trước bạ: 60.000 triệu đồng, bằng 86% so với ước thực hiện năm 2022.
4. Thu tiền cho thuê đất: 12.000 triệu đồng, bằng 92% so với ước thực hiện năm 2022.

5. Thu tiền sử dụng đất: 157.000 triệu đồng, bằng 95% so với ước thực hiện năm 2022.

6. Thu phí và lệ phí: 6.500 triệu đồng, bằng 120% so với ước thực hiện năm 2022.

7. Thu thuế thu nhập cá nhân: 48.000 triệu đồng, bằng 55% so với ước thực hiện năm 2022.

8. Thu khác: 10.300 triệu đồng, bằng 103% so với ước thực hiện năm 2022.

II. Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách: Không.

B. VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng chi ngân sách địa phương là 938.908 triệu đồng, bằng 61% so với ước thực hiện năm 2022, chi tiết như sau:

I. Các khoản chi trong cân đối ngân sách

Dự kiến 938.908 triệu đồng, bằng 61% so với ước thực hiện năm 2022, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 212.276 triệu đồng, bằng 48% so với ước thực hiện năm 2022, bao gồm:

- Chi vốn cân đối theo phân cấp : 29.000 triệu đồng;
- Chi từ nguồn thu tiền SDD : 143.276 triệu đồng;
- Chi vốn cân đối NSNN : 40.000 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: 694.241 triệu đồng, bằng 79% so với ước thực hiện năm 2022, trong đó:

2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: 80.445 triệu đồng, bằng 59% so với ước thực hiện năm 2022, bao gồm:

- Chi sự nghiệp nông- lâm- thủy lợi: 12.512 triệu đồng, bằng 94% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi sự nghiệp giao thông: 2.670 triệu đồng, bằng 20% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính: 20.415 triệu đồng, bằng 100,3% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi quy hoạch: 4.025 triệu đồng, bằng 101% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi công tác đo đạc, cắm mốc, kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí đấu giá đất công: 25.974 triệu đồng, bằng 67% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi hoạt động Trung tâm phát triển quỹ đất: 526 triệu đồng, bằng 87% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi sự nghiệp môi trường: 1.818 triệu đồng, bằng 55% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: 12.206 triệu đồng, bằng 34% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 299 triệu đồng, bằng 221% so với ước thực hiện năm 2022;

2.2. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 7.000 triệu đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2022.

2.3. Chi sự nghiệp Y tế: 73.239 triệu đồng, bằng 91% so với ước thực hiện năm 2022.

2.4. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 355.791 triệu đồng, bằng 88% so với ước thực hiện năm 2022, bao gồm:

- Chi sự nghiệp giáo dục: 341.056 triệu đồng, bằng 90% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 5.349 triệu đồng, bằng 97% so với ước thực hiện năm 2022;

- Kinh phí nâng lương theo hệ số hàng năm: 9.386 triệu đồng.

2.5. Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT: 5.143 triệu đồng, bằng 93% so với ước thực hiện năm 2022.

2.5. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 2.104 triệu đồng, bằng 93% so với ước thực hiện năm 2022.

2.6. Chi đảm bảo xã hội: 29.356 triệu đồng, bằng 46% so với ước thực hiện năm 2022.

2.7. Chi quản lý hành chính: 112.690 triệu đồng, bằng 82% so với ước thực hiện năm 2022, bao gồm:

- Chi quản lý nhà nước: 80.243 triệu đồng, bằng 82% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi hoạt động cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị, xã hội: 28.940 triệu đồng, bằng 89% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội: 3.507 triệu đồng, bằng 89% so với ước thực hiện năm 2022;

2.8. Chi an ninh, quốc phòng địa phương: 25.254 triệu đồng, bằng 99% so với ước thực hiện năm 2022, bao gồm:

- Chi giữ gìn an ninh và trật tự ATXH: 6.783 triệu đồng, bằng 97% so với ước thực hiện năm 2022;

- Chi quốc phòng địa phương: 18.471 triệu đồng, bằng 99,97% so với ước thực hiện năm 2022.

2.9. Chi khác ngân sách: 3.202 triệu đồng, bằng 64% so với ước thực hiện năm 2022.

3. Chi thực hiện cải cách tiền lương: 4.524 triệu đồng.

4. Chi tiết kiệm thêm 10% chi TX theo Thông tư số 47/2022/TT-BTC: 7.221 triệu đồng.

5. Nguồn dự phòng: 20.663 triệu đồng.

II. Các khoản chi từ nguồn thu được để lại quản lý qua NSNN: Tỉnh không giao.

Cân đối ngân sách nhà nước năm 2023

1. Tổng thu NSNN địa phương : 938.908 triệu đồng.

- Các khoản thu hưởng 100% : 12.100 triệu đồng;
- Thu theo tỉ lệ phân chia (%) : 288.350 triệu đồng;
- Thu bổ sung cân đối ngân sách tỉnh : 533.938 triệu đồng;
- Thu bổ sung mục tiêu ngân sách tỉnh : 104.520 triệu đồng.

2. Tổng chi NSNN địa phương : 938.908 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển : 212.259 triệu đồng;
- Chi thường xuyên : 694.241 triệu đồng;
- Chi thực hiện cải cách tiền lương : 4.524 triệu đồng;
- Chi tiết kiệm thêm 10% chi TX theo Thông tư số 47/2022/TT-BTC : 7.221 triệu đồng;
- Dự phòng : 20.663 triệu đồng.

3. Ngân sách huyện cân bằng thu - chi.

III. Giải pháp điều hành ngân sách nhà nước năm 2023.

Để thực hiện đạt và vượt dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ban ngành cần triển khai thực hiện tốt các nội dung trọng tâm như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước

- Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển KTXH, giữ vững ổn định kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, khôi phục và ổn định thị trường lao động, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân; bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán, thông suốt;

- Ngành thuế chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn tham mưu cho UBND huyện giao dự toán thu NSNN cho các ngành và các xã, thị trấn ngay từ đầu năm 2023 để các ngành và địa phương chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN. Quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Phân đấu đến 31/12/2023 số nợ thuế không vượt quá 5% tổng thu ngân sách;

- Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính-Kế hoạch, các ban, ngành và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch bán

đầu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, nhằm đảm bảo nguồn chi cho các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản được bố trí từ nguồn thu này;

- Trên cơ sở số giao dự toán thu năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện, các xã, thị trấn căn cứ khả năng và tình hình phát triển kinh tế năm 2023 của địa phương, đơn vị phải dự toán toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN;

- Kho bạc Nhà nước huyện phối hợp với ngành Thuế trong công tác thu nộp thuế, trong đó chú trọng hỗ trợ thu thuế đối với hoạt động xây dựng cơ bản của các đơn vị thi công trên địa bàn;

- Các đơn vị Công an, Quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, xử lý chống các hành vi trốn thuế và gian lận thương mại; hỗ trợ Chi cục Thuế xử lý các trường hợp nợ thuế kéo dài.

2. Về chi ngân sách Nhà nước

2.1 Về chi đầu tư phát triển

- Thực hiện đầy đủ và nhất quán nội dung Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng. Tập trung nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển và các công trình phục vụ giáo dục, y tế, giao thông; ưu tiên đầu tư đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án hoàn thành trong năm, các dự án hướng đến mục tiêu xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh việc thực hiện chương trình đột phá về phát triển cơ sở hạ tầng. Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của huyện.

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện bán đầu giá các dự án sử dụng đất để đảm bảo nguồn thanh toán cho các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này. Trong điều hành cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này;

- Chủ đầu tư hoàn thành thủ tục đấu thầu để khởi công và giải ngân nguồn vốn đã bố trí chậm nhất cuối quý I năm 2023. UBND các xã, thị trấn tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện ngay từ đầu năm 2023 đối với các dự án do cấp xã làm chủ đầu tư;

- Thực hiện quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư công đảm bảo hiệu quả, tránh dàn trải, kết hợp với nâng cao chất lượng quản lý đầu tư để tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế - dự toán công trình các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo rà soát, đánh giá đầy đủ số liệu nợ

XDCB, có biện pháp xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB, kiên quyết điều hành đầu tư, ngân sách không để phát sinh nợ mới.

2.2. Về chi thường xuyên:

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Tổ chức điều hành chi NSNN năm 2023 theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Các địa phương chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách đã được giao để thực hiện chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn. Trường hợp, ngân sách địa phương đã sử dụng quá 50% nguồn dự phòng ngân sách để thực hiện cho các nhiệm vụ chi phòng, chống dịch Covid-19 nhưng vẫn chưa đảm bảo nguồn thì tổng hợp, báo cáo UBND huyện để tổng hợp gửi UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Công khai, minh bạch hoạt động tài chính - NSNN; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị;

- Ngân sách cấp huyện, xã bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định tại Điều 10 Luật NSNN năm 2015 để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật phòng chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản của nhà nước. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện nghiêm túc các kết luận của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, các kết luận và kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân huyện;

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện về tình hình ước thực hiện dự toán NSNN năm 2022 và dự toán NSNN năm 2023.

(có Bảng tổng hợp đính kèm)

UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, quyết định ./. 

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy ;
- TT HĐND huyện, các vị ĐB HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hào

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

BẢNG TỔNG HỢP ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số : 311 /BC-UBND ngày 08 / 12 /2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính : Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Quyết toán năm 2021	Dự toán điều chỉnh tính giao năm 2022	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh			
							6/4	6/5	6/3	7/6
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Thu NSNN trên địa bàn	354.385	283.000	336.700	410.000	350.000	145	122	116	85
A	Các khoản thu trong cân đối NS	353.085	283.000	336.700	410.000	350.000	145	122	116	85
	Trong đó : Ngân sách huyện, xã hưởng	275.146	229.420	278.840	304.603	300.450	133	109	111	99
1	Thu thuế DNNN địa phương	745	500	500	1.045	1.200	209	209	140	115
-	Thuế GTGT	309	200	200	642	600	321	321	208	93
-	Thuế TNDN	433	300	300	403	600	134	134	93	149
-	Thuế tài nguyên	3			-					
2	Thu thuế CTN-NQD	47.345	50.000	50.000	58.000	55.000	116	116	123	95
-	Thuế GTGT	42.495	45.500	45.500	50.000	50.000	110	110	118	100
-	Thuế TNDN	3.072	3.100	3.100	5.500	2.300	177	177	179	42
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	44	30	30	150	150	500	500	341	100
-	Thuế tài nguyên	1.734	1.370	1.370	2.350	2.550	172	172	136	109
3	Thu lệ phí trước bạ	44.025	47.200	47.200	70.000	60.000	148	148	159	86
4	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	69			90				130	0
5	Thu tiền cho thuê đất (35%)	21.199	13.000	13.000	13.000	12.000	100	100	61	92
-	Thu tiền thuê đất hằng năm (huyện hưởng 35%)					6.000				
-	Thu tiền thuê đất trả tiền một lần (tỉnh hưởng 100%)					6.000				
6	Thu tiền sử dụng đất	173.518	100.000	153.700	165.000	157.000	165	107	95	95
7	Thu phí, lệ phí	7.313	5.300	5.300	5.400	6.500	102	102	74	120
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	441			434				98	0
9	Thu thuế thu nhập cá nhân	43.933	58.000	58.000	87.000	48.000	150	150	198	55

Số thứ tự	Nội dung	Quyết toán năm 2021	Dự toán điều chỉnh tính giao năm 2022	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh			
							6/4	6/5	6/3	7/6
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Thu khác (trong đó thu phạt ATGT: 4.700 tr.đồng, thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ Bù Đăng: 291 triệu đồng, chợ các xã: 713 triệu đồng)	14.497	9.000	9.000	10.031	10.300	111	111	69	103
B	Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN	1.300								
II	Tổng thu ngân sách địa phương	1.331.319	959.402	1.483.643	1.578.080	938.908	164	106	119	59
A	Các khoản thu cân đối NSDP	1.330.019	959.402	1.483.643	1.578.080	938.908	164	106	119	59
1	Thu NSDP được hưởng	275.146	229.420	278.840	304.603	300.450	133	109	111	99
-	Các khoản thu hưởng 100%	18.593	10.200	10.200	12.431	12.100	122	122	67	97
-	Thu phân chia theo tỷ lệ (%)	256.553	219.220	268.640	292.172	288.350	133	109	114	99
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	788.284	729.982	883.702	952.376	638.458	130	108	121	67
-	Bổ sung cân đối: Trong đó:	460.407	606.206	606.206	606.206	533.938	100	100	132	88
-	Bổ sung chương trình mục tiêu	327.877	123.776	277.496	346.170	104.520	280	125	106	30
3	Nguồn cải cách tiền lương									
4	Thu chuyển nguồn	265.859		321.101	321.101					
5	Thu kết dư	730								
B	Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN	1.300								

* Ghi chú:

Ước thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2022 tăng so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao: 94.437 triệu đồng, chi tiết như sau:

- Bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh năm 2022 tăng: 68.674 triệu đồng gồm: Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 39.011 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả sạt lở đất tại tuyến đường liên thôn xã Thống Nhất: 1.310 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 2.820 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022: 21.139 triệu đồng và kinh phí kinh phí thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS đợt 2 năm 2022: 4.394 triệu đồng.

- Ước tăng thu huyện, xã hưởng năm 2022 tăng: 25.763 triệu đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐẮNG

BẢNG TỔNG HỢP ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số : 311 /BC-UBND ngày 08 / 12 /2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính : Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Quyết toán năm 2021	Dự toán điều chỉnh tỉnh giao năm 2022	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh			
							6/4	6/5	6/3	7/6
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng chi NSDP	1.331.319	964.402	1.483.643	1.549.653	938.908	161	104	116	61
A	Chi cân đối NSDP	1.330.019	964.402	1.483.643	1.549.653	938.908	161	104	117	61
	Chi đầu tư phát triển	163.010	117.740	401.909	443.328	212.276	377	110	272	48
	Chi XD CB tập trung	148.818	117.740	216.700	216.700	212.276	184	100	146	98
-	Vốn cân đối theo phân cấp (trong đó: Chuyển nguồn theo PA: 63 trđ)	31.073	31.500	31.563	31.563	29.000	100,20	100	102	92
-	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Trong đó có chi chuyển nguồn : Huyện 7.416 triệu đồng, xã 20.992 triệu đồng)	108.418	86.240	155.737	155.737	143.276	181	100	144	92
-	Vốn cân đối ngân sách nhà nước					40.000				
-	Chi đầu tư khác			29.400	29.400			100		0
-	Chi chuyển nguồn XD CB năm 2020 sang 2021	9.327							0	
-	Chi từ nguồn tăng thu đã loại trừ tiền SDD năm 2018 (50%) sang năm 2021 cấp xã									
2	Chi chuyển nguồn thực hiện dự án Đa Bông Cua năm 2020 chuyển sang 2021			631	631			100		0
3	Chi xây dựng công trình cầu dân sinh trên đường Thọ Sơn đi Đăk Nhau	572		51	51			100	9	0
4	Chi vốn hỗ trợ xây dựng 100 phòng học (trong đó: chi chuyển nguồn: 21.380 trđ và tỉnh cấp bổ sung có MT năm 2022: 70.000 trđ)	13.620		91.380	114.592			125	841	0
5	Chi thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (Chuyển nguồn theo PA: Huyện là 2.133 trđ (giao về cho xã Đăk Nhau 1.244 tr đ), xã là 12.393 triệu đồng)			93.147	93.147			100		0
5	Chi thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 (tỉnh giao tại QĐ 1759 ngày 23/9/2022 là: 21.577 triệu đồng nhưng tại CV 2999 ngày 13/10/2022 thì tỉnh giảm KP 1 dự án: 3.370 triệu đồng, vậy còn lại số KP thực hiện năm 2022 là 18.207 trđ triệu đồng)				18.207					0

Số thứ tự	Nội dung	Quyết toán năm 2021	Dự toán điều chỉnh tỉnh giao năm 2022	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh			
							6/4	6/5	6/3	7/6
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Chi thường xuyên	779.636	772.465	872.854	875.894	694.224	113	100,3	112	79
1	Chi sự nghiệp kinh tế	167.289	158.168	133.926	132.572	80.445	84	99	79	61
	Trong đó :									
-	Sự nghiệp nông- lâm-thủy lợi	11.849		13.371	13.371	12.512		100	113	94
-	Chi sự nghiệp giao thông	19.683		13.641	13.641	2.670		100	69	20
-	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	12.769		20.347	20.347	20.415		100	159	100,3
-	Chi quy hoạch	421		6.661	3.997	4.025		60	949	101
-	Chi công tác đo đạc, cắm mốc, kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đấu giá đất công	55.253		38.644	38.644	25.974		100	70	67
-	Chi Trung tâm Phát triển quỹ đất	767		602	602	526		100	78	87
-	Chi sự nghiệp môi trường	4.504		3.278	3.278	1.818		100	73	55
-	Chi sự nghiệp kinh tế khác	62.043		34.397	35.707	12.206		104	58	34
-	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			135	135	299		100		221
-	Nguồn TK 10% CCTL sự nghiệp kinh tế			2.304	2.304			100		0
-	Chi chuyển nguồn tự chủ (13)			75	75			100		0
-	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương (14)			471	471			100		0
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		7.000	7.000	7.000	7.000	100	100		100
3	Chi sự nghiệp y tế	69.874	65.134	80.527	80.527	73.239	124	100	115	91
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và DN	310.393	376.383	406.423	406.423	355.791	108	100	131	88
	Trong đó :									
	Trong đó:									
-	Sự nghiệp giáo dục (bao gồm: Kinh phí thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP (chính sách phát triển giáo dục mầm non, tiền ăn trẻ em,...); Nghị định số 116/2016/NĐ-CP (CS hỗ trợ học sinh và trường PT ở xã, thôn ĐBKK); Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (CS miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; ...); NQ 17/2020/NQ-HĐND tỉnh (chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo,...); NQ 07/2021/NQ-HĐND tỉnh (chính sách hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non,...)	306.239		378.402	378.402	341.056		100	124	90
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	4.154		5.532	5.532	5.349		100	133	97

Số thứ tự	Nội dung	Quyết toán năm 2021	Dự toán điều chỉnh tính giao năm 2022	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh			
							6/4	6/5	6/3	7/6
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Nguồn kinh phí nâng lương theo hệ số hàng năm, ...					9.386				
-	Nguồn TK 10% CCTL sự nghiệp GD,ĐT và DN			11.237	11.237			100		0
-	Chi chuyển nguồn tự chủ (13)			6.142	6.142			100		0
-	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương (14)			5.110	5.110			100		0
5	Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT	5.226	5.534	5.548	5.548	5.143	100,3	100	106	93
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.378	2.266	2.271	2.271	2.104	100,2	100	165	93
7	Chi đảm bảo xã hội	43.775	28.829	58.970	63.364	29.356	220	107	145	46
8	Chi quản lý hành chính	116.111	110.932	137.630	137.630	112.690	124	100	119	82
	Trong đó :									
-	Chi quản lý Nhà nước	72.968		97.762	97.762	80.243		100	134	82
-	Chi hoạt động của cơ quan Đảng và các tổ chức CT-XH	39.053		32.605	32.605	28.940		100	83	
-	Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội	4.090		3.950	3.950	3.507		100	97	
-	Chi chuyển nguồn không tự chủ (12)			2.100	2.100			100		
-	Chi chuyển nguồn tự chủ (13)			95	95			100		
-	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương (14)			1.118	1.118			100		0
9	Chi an ninh, quốc phòng địa phương	24.049	15.017	25.489	25.489	25.254	170	100	106	99
	Trong đó :									
-	Chi giữ gìn ANTT&ATXH	7.914	2.815	7.013	7.013	6.783	249	100	89	97
-	Chi quốc phòng địa phương	16.135	12.202	18.476	18.476	18.471	151	100	115	99,97
10	Chi khác ngân sách	7.154	3.202	5.006	5.006	3.202	156	100	70	64
11	Chi đền bù dự án ASXH thuộc Ban QL RPH Bù Đãng			84	84			100		0
12	Chi phòng, chống dịch Covid-19	34.387		9.980	9.980			100		0
II	Chi các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán		16.159	14.043	14.043		87	100		0
IV	Chi thực hiện cải cách tiền lương (trong đó: 70% tăng thu 2021 tạo nguồn CCTL: 19.329 trđ)		39.116	173.043	173.043	4.524	442	100		3
V	Chi vốn Chương trình MTQG	66.272	0	171	21.722	0		12.703	33	0
	Chi thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững			171	2.991			1.749		0

Số thứ tự	Nội dung	Quyết toán năm 2021	Dự toán điều chỉnh tình hình giao năm 2022	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh			
							6/4	6/5	6/3	7/6
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Chi thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi				2.932					
-	Chi đầu tư Chương trình MTQG XD nông thôn mới (trong đó: sử dụng nguồn SDD cấp huyện: 8.117 triệu đồng theo QĐ số 3877/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của huyện)	66.272			15.799				24	0
VI	Chi thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế theo Quyết định số 999 - QĐ/TU (từ nguồn giảm 2,5% biên chế và 35% hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP)			10.797	10.797			100		0
VII	Chi chuyển nguồn	321.101								
VIII	Nguồn kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi TX theo Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính					7.221				
IX	Dự phòng		18.922	10.826	10.826	20.663	57	100		191
B	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	1.300								

* Ghi chú:

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2022 tăng so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao: 66.010 triệu đồng, chi tiết như sau:

- Tăng chi do tính bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh năm 2022 tăng: 68.674 triệu đồng gồm
 - Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 39.011 triệu đồng (Vốn đầu tư 23.212 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 15.799 triệu đồng).
 - Kinh phí khắc phục hậu quả sạt lở đất tại tuyến đường liên thôn xã Thống Nhất: 1.310 triệu đồng.
 - Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 2.820 triệu đồng.
 - Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022: 21.139 triệu đồng.
 - Kinh phí thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS đợt 2 năm 2022: 4.394 triệu đồng.
- Giảm chi do ước chi kinh phí quy hoạch giảm: (-) 2.664 triệu đồng.